

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:	Kế toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Văn bằng:	Cử nhân
Khóa đào tạo:	Khóa 21 (2025 - 2029)
Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khoá:	126
<i>Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.</i>	

HỌC KỲ 1: 05 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 5, tự chọn: 0)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		5			
TN70020	Nhập môn AI(*)	1	45	45	0
CB70107	Hiểu biết về DNTU(*)	1	45	45	0
TA70301	Key English 1(*)	3	45	45	0
TA70302	Key English 2(*)	3	30	30	0
TA70303	Key English 3(*)	3	15	15	0
TA70304	English Speaking Community(*)	2	30	30	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
KT70116	Giới thiệu ngành Kế toán	1			
TC70101	Tiền tệ và Thị trường tài chính	3	30	30	0
Học phần tự chọn		0			
HỌC KỲ 2: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 0)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		20			
CB70411	Bơi lội(*)	1	30	0	30
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1(*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2(*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3(*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4(*)	2	60	0	60
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
TH70001	Tin học 1	2	45	15	30
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
QT70020	Kinh tế học	2	30	30	0

CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 8 học phần)		0			
CB71412	Bóng đá(*)	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền(*)	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông(*)	1	30	0	30
CB71410	Pickleball(*)	1	30	0	30
CB71406	Giáo dục thể chất 3 - Dancesport(*)	1	30	0	30
CB71407	Giáo dục thể chất 3 - Bóng rổ(*)	1	30	0	30
CB71408	Giáo dục thể chất 3 - Võ thuật(*)	1	30	0	30
70159	Giáo dục thể chất 3 (Fitness)(*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 02)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		18			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
CB70305	Kỹ năng giao tiếp & Xây dựng mối quan hệ	2	30	30	0
KT70111	Kế toán tài chính 1	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		2			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 04)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		18			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
KT70106	Mô phỏng kế toán tài chính 1	3	90	0	90
KT70102	Thuế ứng dụng	2	30	30	0
KT70201	Nghiên cứu định lượng ứng dụng trong kế toán	2	30	30	0
KT70105	Kế toán tài chính 2	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)		4			
TC71206	Ngân hàng thương mại	2	30	30	0
TC71205	Thanh toán quốc tế	2	30	30	0

TC71108	Tài chính quốc tế	2	30	30	0
TC71109	Quản trị doanh nghiệp	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 02)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		18			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
KT70103	Luật kinh tế	2	30	30	0
QT70020	Kỹ năng tư duy phản biện	2	30	30	0
KT70112	Kế toán tài chính 3	2	30	30	0
KT70204	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	3	45	45	0
KT70209	Thực tập chuyên ngành	1	30	0	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		2			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 03)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		18			
KT70205	Thực hành kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	2	60	0	60
KT70208	Hệ thống thông tin kế toán	3	60	30	30
KT70206	Kế toán chi phí	3	45	45	0
KT70107	Mô phỏng kế toán tài chính 2	2	60	0	60
KT70108	Kế toán thuế và mô phỏng báo cáo thuế	2	45	15	30
KT70109	Kế toán và báo cáo kế toán quốc tế	3	45	45	0
KT70207	Kế toán quản trị	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3			
KT71101	Kế toán ngân hàng	3	45	45	0
KT71102	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45	45	0
HỌC KỲ 7: 12 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: 08)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		4			
KT70210	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	120
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)		8			
KT71201	Phân tích báo cáo tài chính	3	60	30	30

KT71103	Kế toán hợp nhất báo cáo tài chính	3	60	30	30
KT71202	Kiểm soát nội bộ	3	45	45	0
KT71104	Lý thuyết kế toán	3	45	45	0
TC71110	Quản trị tài chính	2	30	30	0
TC71106	Định giá	2	30	30	0
HỌC KỲ 8: 06 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 6, tự chọn: 0)					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Khóa luận tốt nghiệp		6			
KT70211	Khóa luận tốt nghiệp	6	30	30	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		6			
KT70212	Kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp	4	120	0	120
KT70110	Các vấn đề hiện tại của kế toán	2	30	30	0